

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2012)
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hằng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Kim Lâm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2012)
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2012)
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Kim Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Số: 050 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 19 tháng 3 năm 2013, từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, trong năm, Công ty đã không áp dụng hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 19 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mai Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.640.574.778.843	5.698.246.415.707
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.006.797.429.788	1.182.518.046.893
1. Tiền	111		14.397.429.788	1.680.046.893
2. Các khoản tương đương tiền	112		992.400.000.000	1.180.838.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.466.051.965.073	2.831.901.965.073
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.466.051.965.073	2.831.901.965.073
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.365.390.021.451	957.052.480.506
1. Phải thu khách hàng	131	7	1.245.715.489.317	909.092.142.759
2. Trả trước cho người bán	132		62.214.658.719	47.530.596.404
3. Các khoản phải thu khác	135	8	59.232.196.047	429.741.343
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.772.322.632)	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	785.027.831.691	689.442.173.506
1. Hàng tồn kho	141		945.160.124.383	833.030.935.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(160.132.292.692)	(143.588.761.918)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.307.530.840	37.331.749.729
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.614.785	2.973.692
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		16.955.769.716	35.817.827.558
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		349.146.339	1.510.948.479
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		5.431.961.943.277	6.096.888.950.543
I. Tài sản cố định	220		2.560.146.929.339	3.127.999.560.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.105.496.035.177	2.792.562.187.005
- Nguyên giá	222		13.319.249.952.185	13.336.120.732.787
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.213.753.917.008)	(10.543.558.545.782)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.209.719.306	26.963.601.521
- Nguyên giá	228		57.811.572.096	57.671.104.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.601.852.790)	(30.707.502.709)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	433.441.174.856	308.473.771.867
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.690.648.447.259	2.664.188.930.641
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	1.177.771.286.768	1.193.455.770.150
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	1.555.288.160.491	1.515.288.160.491
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(42.411.000.000)	(44.555.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		181.166.566.679	304.700.459.509
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.089.602.963	12.905.519.983
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	175.076.963.716	291.794.939.526
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		12.072.536.722.120	11.795.135.366.250

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		7.881.288.964.294	8.814.396.373.421
I. Nợ ngắn hạn	310		1.396.403.046.758	1.136.325.160.163
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	447.233.514.089	495.304.569.014
2. Phải trả người bán	312		202.967.931.171	189.970.453.154
3. Người mua trả tiền trước	313		1.756.892.116	2.167.686.854
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	156.909.348.527	17.742.792.161
5. Phải trả người lao động	315		86.545.557.484	46.916.501.915
6. Chi phí phải trả	316	19	492.757.976.494	372.371.064.061
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.202.177.856	8.292.949.859
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.029.649.021	3.559.143.145
II. Nợ dài hạn	330		6.484.885.917.536	7.678.071.213.258
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	6.484.885.917.536	7.677.220.819.945
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	850.393.313
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		4.156.071.272.037	2.951.917.723.614
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.156.071.272.037	2.951.917.723.614
1. Vốn điều lệ	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		155.099.300.459	149.746.010.040
3. Cổ phiếu quỹ	414		(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(717.705.848.290)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		263.971.237.362	268.720.716.781
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		82.781.058.500	82.500.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		517.472.404.565	31.909.573.932
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		35.176.485.789	28.821.269.215
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		12.072.536.722.120	11.795.135.366.250

CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Nợ khó đòi đã xử lý



Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu

Ngày 19 tháng 3 năm 2013



Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Kim Lâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	4.130.557.827.173	3.738.172.128.116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.130.557.827.173	3.738.172.128.116
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	3.666.402.548.504	3.261.869.967.453
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		464.155.278.669	476.302.160.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	658.193.920.825	461.438.051.020
7. Chi phí tài chính	22	27	269.433.582.790	842.378.360.409
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		206.288.239.379	232.659.740.923
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		97.219.222.549	83.952.172.983
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		755.696.394.155	11.409.678.291
10. Thu nhập khác	31		49.580.066.481	8.167.003.681
11. Chi phí khác	32		9.354.466.094	9.891.848.671
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		40.225.600.387	(1.724.844.990)
13. (Lỗ) trong công ty liên kết	45	28	(15.684.483.382)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		780.237.511.160	9.684.833.301
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	150.301.925.643	1.888.852.648
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	116.717.975.810	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		513.217.609.707	7.795.980.653
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		8.399.809.748	3.897.990.327
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	62		504.817.799.959	3.897.990.327
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.587	12



Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu

Ngày 19 tháng 3 năm 2013



Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng





Phạm Kim Lâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	780.237.511.160	9.684.833.301
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	693.114.625.676	694.662.966.422
- Các khoản dự phòng	03	16.171.853.406	9.900.607.495
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(103.874.756.847)	544.201.187.100
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(553.568.975.213)	(459.785.232.906)
- Chi phí lãi vay	06	206.288.239.379	232.659.740.923
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.038.368.497.561	1.031.324.102.335
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(415.015.128.614)	213.869.660.852
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(112.129.188.959)	(27.718.442.237)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	428.247.858.716	168.591.659.492
- Thay đổi chi phí trả trước	12	6.815.917.020	(11.157.477.258)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(215.778.839.379)	(199.853.084.743)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(947.941.557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	69.571.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(18.194.187.124)	(3.239.797.828)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	712.314.929.221	1.170.938.250.056
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(383.129.314.089)	(175.768.018.566)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	248.000.000	1.834.291.099
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.709.920.000.000)	(3.412.154.830.591)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.075.770.000.000	2.742.961.750.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40.000.000.000)	(461.048.270.150)
6. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	579.105.738.967	398.541.311.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(477.925.575.122)	(905.633.766.431)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(34.736.002.028)
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(407.359.971.204)	(418.825.354.710)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(2.750.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(410.109.971.204)	(453.561.356.738)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(175.720.617.105)	(188.256.873.113)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.182.518.046.893	1.370.774.920.006
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.006.797.429.788	1.182.518.046.893



Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu



Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Kim Lâm
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam. Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ năm số 0800296853 ngày 18 tháng 12 năm 2012, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính đặt tại thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.395 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.470).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Hoạt động chính của công ty con là sửa chữa, bảo dưỡng, thi nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay; cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo; vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp; xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông; thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ngoại trừ việc cho phép Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Quy định này tại Thông tư 179 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) - “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết.

Khi bán công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong năm cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" đồng thời với khoản mục "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã không áp dụng hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ngoại trừ việc cho phép Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201.

Trong năm 2012, Công ty thực hiện phân bổ toàn bộ chênh lệch tỷ giá tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 với số tiền là 717.705.848.290 VND vào kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định hiện hành về ưu đãi miễn giảm thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền bắc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp pháp cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	100.621.330	150.413.715
Tiền gửi ngân hàng	14.296.808.458	1.529.633.178
Các khoản tương đương tiền (i)	992.400.000.000	1.180.838.000.000
	1.006.797.429.788	1.182.518.046.893

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.446.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	2.020.051.965.073	2.771.901.965.073
	3.466.051.965.073	2.831.901.965.073

- (i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.
- (ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMC) và khoản tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu tiền điện (i)	1.091.595.212.489	732.504.499.886
Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	133.547.910.075	158.336.926.135
Phải thu khách hàng khác	20.572.366.753	18.250.716.738
	1.245.715.489.317	909.092.142.759
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.772.322.632)	-
	1.243.943.166.685	909.092.142.759

- (i) Ngày 12 tháng 6 năm 2012, Công ty ký Biên bản thỏa thuận về việc chậm thanh toán tiền điện với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC"), theo đó tiền điện phải thu từ Công ty Mua bán điện được thanh toán chậm hơn so với lịch thanh toán trong hợp đồng mua bán điện.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	58.640.804.046	-
Phải thu khác	591.392.001	429.741.343
	59.232.196.047	429.741.343

- (i) Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến điều chỉnh quyết toán dây chuyền số 2 Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang trên đường	20.545.432	-
Nguyên liệu, vật liệu	938.963.672.979	826.960.948.152
Công cụ, dụng cụ	6.149.415.090	5.867.157.714
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.490.882	6.000.000
Thành phẩm	-	196.829.558
	945.160.124.383	833.030.935.424
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(160.132.292.692)	(143.588.761.918)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	785.027.831.691	689.442.173.506

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 16.543.530.774 VND (năm 2011: 5.411.607.495 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃU SỐ B 09-DN/HN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Đơn vị: VND	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2012	1.716.374.782.633	11.505.101.873.010	70.920.079.488	40.670.500.592	3.053.497.064		13.336.120.732.787
Tăng trong năm	2.540.808.706	38.082.348.037	15.339.607.465	7.196.532.684	18.636.364		63.177.933.256
Mua sắm mới	2.226.228.574	8.743.167.636	28.224.000	4.478.191.593	18.636.364		15.494.448.167
Tặng khác	314.580.132	29.339.180.401	15.311.383.465	2.718.341.091	-		47.683.485.089
Giảm trong năm	9.748.380.974	68.081.423.004	1.627.381.612	571.978.268	19.550.000		80.048.713.858
Thanh lý, nhượng bán	-	117.258.800	1.627.381.612	571.978.268	19.550.000		2.336.168.680
Giảm khác (i)	9.748.380.974	67.964.164.204	-	-	-		77.712.545.178
Tại ngày 31/12/2012	1.709.167.210.365	11.475.102.798.043	84.632.305.341	47.295.055.008	3.052.583.428		13.319.249.952.185
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2012	1.209.140.212.227	9.257.792.302.563	40.722.115.240	34.364.671.265	1.539.244.487		10.543.558.545.782
Tăng trong năm	47.504.512.031	629.779.246.585	20.323.833.171	6.177.551.835	367.771.406		704.152.915.028
Trích khấu hao	47.135.738.530	629.779.246.585	5.645.387.173	4.292.131.901	367.771.406		687.220.275.595
Tặng khác	368.773.501	-	14.678.445.998	1.885.419.934	-		16.932.639.433
Giảm trong năm	2.476.568.563	29.326.697.682	1.570.134.382	564.593.175	19.550.000		33.957.543.802
Thanh lý, nhượng bán	-	111.676.073	1.570.134.382	564.593.175	19.550.000		2.265.953.630
Giảm khác (i)	2.476.568.563	29.215.021.609	-	-	-		31.691.590.172
Tại ngày 31/12/2012	1.254.168.155.695	9.858.244.851.466	59.475.814.029	39.977.629.925	1.887.465.893		11.213.753.917.008
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2012	454.999.054.670	1.616.857.946.577	25.156.491.312	7.317.425.083	1.165.117.535		2.105.496.035.177
Tại ngày 31/12/2011	507.234.570.406	2.247.309.570.447	30.197.964.248	6.305.829.327	1.514.252.577		2.792.562.187.005

(i): Bao gồm giảm khác theo Biên bản điều chỉnh quyết toán đầy đủ chuyển 2 Nhà máy điện Phả Lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với giá trị là 4.569.432.420,490 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.551.817,413,487 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị: VND</i>		
	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	57.274.433.766	396.670.464	57.671.104.230
Tăng trong năm	140.467.866	-	140.467.866
Tại ngày 31/12/2012	<u>57.414.901.632</u>	<u>396.670.464</u>	<u>57.811.572.096</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	30.469.483.786	238.018.923	30.707.502.709
Trích khấu hao	5.778.467.473	115.882.608	5.894.350.081
Tại ngày 31/12/2012	<u>36.247.951.259</u>	<u>353.901.531</u>	<u>36.601.852.790</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	<u>21.166.950.373</u>	<u>42.768.933</u>	<u>21.209.719.306</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>26.804.949.980</u>	<u>158.651.541</u>	<u>26.963.601.521</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	432.547.662.803	307.068.401.622
Xây dựng cơ bản khác	893.512.053	1.405.370.245
	<u>433.441.174.856</u>	<u>308.473.771.867</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Dương	50	60	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Giá gốc khoản đầu tư	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150
Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(15.684.483.382)	-
	<u>1.177.771.286.768</u>	<u>1.193.455.770.150</u>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	21,49	21,49	Sản xuất điện

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng tài sản	20.017.678.488.464	17.700.619.236.342
Tổng công nợ	15.578.212.762.253	13.303.845.073.011
Tài sản thuần	4.439.465.726.211	4.396.774.163.331
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	954.041.184.563	944.866.767.700
	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu	3.688.315.459.650	683.325.938.837
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần	42.691.562.880	(5.403.842.132)
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	9.174.416.863	(1.161.285.674)

Lợi thế thương mại phát sinh từ mua công ty liên kết:

	VND
Tại ngày 01/01/2012	248.589.002.450
Phân bổ trong năm	24.858.900.245
Tại ngày 31/12/2012	223.730.102.205

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i)	350.000.000.000	350.000.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000.000.000	60.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (iii)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
Đầu tư khác	2.293.080.591	2.293.080.591
	1.555.288.160.491	1.515.288.160.491
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(42.411.000.000)	(44.555.000.000)
	1.512.877.160.491	1.470.733.160.491

(i) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay: Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.

(ii) Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với số tiền là 117.975.000.000 VND với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

(iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.

(iv) **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện việc đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	291.794.939.526	34.544.288.606	326.339.228.132
Điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	(34.544.288.606)	(34.544.288.606)
Tại ngày 31/12/2011	291.794.939.526	-	291.794.939.526
Tăng chi phí trong năm	(116.717.975.810)	-	(116.717.975.810)
Tại ngày 31/12/2012	175.076.963.716	-	175.076.963.716

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	447.233.514.089	495.304.569.014
	447.233.514.089	495.304.569.014

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.579.536.143	7.219.283.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp	148.206.059.673	1.889.077.171
Thuế thu nhập cá nhân	221.983.600	269.234.316
Các loại thuế khác	901.769.111	8.365.196.741
	156.909.348.527	17.742.792.161

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả	53.029.400.000	62.520.000.000
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	432.547.662.803	307.068.401.622
Các khoản khác	7.180.913.691	2.782.662.439
	492.757.976.494	372.371.064.061

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012		31/12/2011	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	28.779.505.248	6.932.119.431.625	30.636.247.522	8.172.525.388.959
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(447.233.514.089)	(1.856.742.274)	(495.304.569.014)
Số dư vay dài hạn	26.922.762.974	6.484.885.917.536	28.779.505.248	7.677.220.819.945

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 3 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)***Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	31/12/2012		31/12/2011	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Trong vòng một năm	1.856.742.274	447.233.514.089	1.856.742.274	495.304.569.014
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	447.233.514.089	1.856.742.274	495.304.569.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.341.700.542.268	5.570.226.822	1.485.913.707.037
Sau năm năm	19.495.793.878	4.695.951.861.179	21.352.536.152	5.696.002.543.894
	28.779.505.248	6.932.119.431.625	30.636.247.522	8.172.525.388.959
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(447.233.514.089)	(1.856.742.274)	(495.304.569.014)
Số phải trả dài hạn	26.922.762.974	6.484.885.917.536	28.779.505.248	7.677.220.819.945

CÔNG TY CỔ PHẦN NHẬT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	3.262.350.000,000	108.544.202,558	(90.866,726,821)	-	309.922.524,263	82.500.000,000	55.296.954,984
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	3.897,990,326
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(34.736,002,028)	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(1.250.000,000)
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	-	(717.705,848,290)	-	-	-
Chuyển các quỹ trong năm	-	41.201,807,482	-	-	(41.201,807,482)	-	-
Điều chỉnh theo Kiểm toán	-	-	-	-	-	-	(29.807,906,920)
Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	3.772,535,542
Số dư tại ngày 01/01/2012	3.262.350.000,000	149.746,010,040	(125.602,728,849)	(717.705,848,290)	268.720,716,781	82.500,000,000	31.909,573,932
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	504.817,799,959
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	603.811,000	281.058,500	(5.254,969,326)
Chênh lệch tỷ giá trong năm (i)	-	-	-	717,705,848,290	-	-	-
Chuyển các quỹ trong năm (ii)	-	5.353,290,419	-	-	(5.353,290,419)	-	(14.000,000,000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	3.262.350.000,000	155,099,300,459	(125,602,728,849)	-	263,971,237,362	82,781,058,500	517,472,404,565

(i) Công ty thực hiện phân bổ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tỷ giá đầu kỳ vào chi phí tài chính trong năm với số tiền là 717.705.848.290 VND

(ii) Công ty thực hiện phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 56 ngày 07 tháng 3 năm 2012 với số tiền là 14.000.000.000 VND. Khoản phân phối này sẽ được điều chỉnh theo số chính thức được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ năm ngày 18 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012	2011
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	4.067.347.558.838	3.712.504.992.434
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.064.421.376.542	3.710.025.532.005
Điện tự dùng	2.926.182.296	2.479.460.429
Hoạt động khác	63.210.268.335	25.667.135.682
Doanh thu hoạt động khác	63.210.268.335	25.667.135.682
	4.130.557.827.173	3.738.172.128.116

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012	2011
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	3.657.910.118.700	3.260.703.045.799
Chi phí than, dầu	2.106.528.855.021	1.855.165.766.718
Chi phí khấu hao	672.849.720.927	692.816.634.654
Chi phí sửa chữa lớn	477.416.901.781	375.380.749.423
Chi phí sửa chữa thường xuyên	160.626.281.808	132.686.919.932
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	216.190.309.999	185.697.079.379
Chi phí phụ liệu	8.487.087.859	18.092.769.482
Chi phí khác	15.810.961.305	863.126.211
Hoạt động khác	8.492.429.804	1.166.921.654
	3.666.402.548.504	3.261.869.967.453

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.346.554.571.010	2.185.525.904.701
Chi phí nhân công	394.619.329.750	297.335.992.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	690.414.440.388	691.378.157.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.036.426.217	71.303.299.019
Chi phí khác	166.800.174.130	100.332.514.859
	3.763.424.941.495	3.345.875.868.346

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	477.240.145.469	350.243.449.819
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	77.076.577.438	111.012.513.166
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.441.071	182.088.035
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại	103.874.756.847	-
	658.193.920.825	461.438.051.020

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, lãi thuần chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của Công ty là 103.874.756.847 VND (31 tháng 12 năm 2011: lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện là 177.705.848.290 VND ghi nhận trên chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái phần Vốn chủ sở hữu).

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	206.288.239.379	232.659.740.923
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	65.091.213.517	60.362.691.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	544.621.978.662
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(2.144.000.000)	4.489.000.000
Chi phí tài chính khác	198.129.894	244.949.495
	269.433.582.790	842.378.360.409

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

	2012	2011
	VND	VND
Phân bổ lợi thế thương mại	(24.858.900.245)	-
Lợi nhuận từ khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	9.174.416.863	-
	(15.684.483.382)	-

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	780.237.511.160	9.684.833.301
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	17.615.153.226	3.727.407.152
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(154.336.521)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.085.006.365	3.727.407.152
Lỗ từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	15.684.483.382	-
Thu nhập chịu thuế	797.852.664.386	13.412.240.453
Trong đó		
Thu nhập từ hoạt động chính	280.921.374.020	11.713.659.722
Thu nhập từ hoạt động khác	516.931.290.366	1.698.580.731
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	7,5%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	-	12,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	150.301.925.643	1.888.852.648
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (i)	116.717.975.810	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	267.019.901.453	1.888.852.648

(i) Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước trong Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	504.817.799.959	3.897.990.327
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	318.154.614	318.154.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.587	12

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.006.797.429.788	1.182.518.046.893
Nợ thuần	5.925.322.001.837	6.990.007.342.066
Vốn chủ sở hữu	4.156.071.272.037	2.951.917.723.614
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,43	2,37

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.006.797.429.788	1.182.518.046.893
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.303.175.362.732	909.521.884.102
Đầu tư ngắn hạn	3.466.051.965.073	2.831.901.965.073
Đầu tư dài hạn khác	1.512.877.160.491	1.470.733.160.491
Tổng cộng	7.288.901.918.084	6.394.675.056.559
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959
Phải trả người bán và phải trả khác	208.170.109.027	198.263.403.013
Chi phí phải trả	59.316.801.638	63.897.292.194
Tổng cộng	7.199.606.342.290	8.434.686.084.166

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm/cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Yên Nhật Bản (JPY)	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Công ty thực hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật Bản trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền này. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu Yên Nhật Bản tăng/giảm 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp/cao hơn một khoản là 693.211.942.884 đồng Việt Nam do lỗ/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng Yên Nhật Bản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 33.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.006.797.429.788	-	-	1.006.797.429.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.303.175.362.732	-	-	1.303.175.362.732
Đầu tư ngắn hạn	3.466.051.965.073	-	-	3.466.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.466.379.160.491	1.512.877.160.491
Tổng cộng	5.776.024.757.593	46.498.000.000	1.466.379.160.491	7.288.901.918.084
31/12/2012				
Các khoản vay	447.233.514.089	1.788.934.056.357	4.695.951.861.179	6.932.119.431.625
Phải trả người bán và phải trả khác	208.170.109.027	-	-	208.170.109.027
Chi phí phải trả	59.316.801.638	-	-	59.316.801.638
Tổng cộng	714.720.424.754	1.788.934.056.357	4.695.951.861.179	7.199.606.342.290
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.061.304.332.839	(1.742.436.056.357)	(3.229.572.700.688)	89.295.575.794

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
31/12/2011	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.182.518.046.893	-	-	1.182.518.046.893
Phải thu khách hàng và phải thu khác	909.521.884.102	-	-	909.521.884.102
Đầu tư ngắn hạn	2.831.901.965.073	-	-	2.831.901.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.424.235.160.491	1.470.733.160.491
Tổng cộng	4.923.941.896.068	46.498.000.000	1.424.235.160.491	6.394.675.056.559
31/12/2011				
Các khoản vay	495.304.569.014	1.981.218.276.051	5.696.002.543.894	8.172.525.388.959
Phải trả người bán và phải trả khác	198.263.403.013	-	-	198.263.403.013
Chi phí phải trả	63.897.292.194	-	-	63.897.292.194
Tổng cộng	757.465.264.221	1.981.218.276.051	5.696.002.543.894	8.434.686.084.166
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.166.476.631.847	(1.934.720.276.051)	(4.271.767.383.403)	(2.040.011.027.607)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	4.064.421.376.542	3.710.025.532.005
Trả gốc vay và lãi vay		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	407.359.971.204	418.825.354.710
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	206.288.239.379	232.659.740.923
Lãi đầu tư, cho vay		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	329.997.222.222	210.797.638.888

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959
Phải thu Công ty Mua bán điện	1.091.595.212.489	732.504.499.886
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000
Phải thu khác Tập đoàn Điện lực Việt Nam	58.640.804.046	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc:

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương	1.421.665.300	1.322.810.727

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán và khoản mục "Chi phí hoạt động tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không so sánh được với số liệu tương ứng năm trước do Công ty không áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như trình bày tại Thuyết minh số 3.

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.



Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Kim Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2013